UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ
----------***----------

Số: 368 /CV-XSKT
v/v "Đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2023"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------o0o----------
Hà nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: **- Sở tài chính Hà nội (Chi cục tài chính doanh nghiệp)**
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Nội vụ
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
- Cục Thuế thành phố Hà nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Công ty xin báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 277.421 triệu đồng, bằng 111,5% so với cùng kỳ năm 2022 (248.754 triệu đồng) và đạt 54,9% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2023 (505.000 triệu đồng).

- Lợi nhuận sau thuế là 4.839 triệu đồng, bằng 284,98% so với cùng kỳ năm 2022 (1.698 triệu đồng) và đạt 49,22% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2023 (9.830 triệu đồng).

- Tổng chi phí thực hiện là 271.333 triệu đồng, tăng 24.701 triệu đồng, bằng 110% so với cùng kỳ năm 2022 (246.632 triệu đồng). Trong đó

+ Chi phí sản xuất kinh doanh là 227.347 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý là: 43.972 triệu đồng (là chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty không có chi phí bán hàng).

+ Chi phí tài chính và chi phí khác là: 13 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời: tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 5,4%(=4.839 triệu đồng/88.839 triệu đồng), tăng 3,42% so với cùng kỳ năm 2022 (1,98%); tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) đạt 2,37% (=4.839 triệu đồng/204.007 triệu đồng) tăng 1,47% so với cùng kỳ năm 2022 (0,9%).

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 2,9 lần (117.323 triệu đồng/40.301 triệu đồng).

- Các chỉ tiêu cân đối nợ và chỉ tiêu hoạt động.

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản: 0,56 lần (=115.168 triệu đồng/204.007 triệu đồng).

+ Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 1,29 lần(=115.168 triệu đồng/88.839 triệu đồng).

+ Hệ số bảo toàn vốn: 1(=88.839 triệu đồng/88.839 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/tổng doanh thu: 1,7% (=4.839 triệu đồng/277.421 triệu đồng).

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

+ Về cơ cấu tài sản: tại thời điểm 30/06/2023 tổng tài sản là 204.007 triệu đồng; trong đó: tài sản ngắn hạn là 117.323 triệu đồng, chiếm 57,5% tổng tài sản, chủ yếu là đầu tư tài chính ngắn hạn 75.600 triệu đồng; tài sản dài hạn là 86.684 triệu đồng, chiếm 42,5% tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định với giá trị còn lại là 83.411 triệu đồng.

+ Về cơ cấu nguồn vốn: tại thời điểm 30/06/2023 tổng nguồn vốn là 204.007 triệu đồng, trong đó: nợ phải trả là 115.168 triệu đồng, chiếm 56,5% tổng nguồn vốn, chủ yếu là nợ dài hạn 74.868 triệu đồng; vốn chủ sở hữu là 88.839 triệu đồng, chiếm 43,5% tổng nguồn vốn, bao gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu là 83.940 triệu đồng, quỹ đầu tư phát triển 60 triệu đồng, LNCL chưa phân phối trong kỳ là 4.839 triệu đồng.

3.Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

a. Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác.

Công ty không có hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác.

b. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong kỳ, Công ty không có dự án đầu tư hoàn thành và không mua sắm mới tài sản cố định

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Trong kỳ, Công ty không huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân.

d. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tại thời điểm 30/06/2023 là 204.007 triệu đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 117.323 triệu đồng, tài sản dài hạn là 86.684 triệu đồng.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty có đưa vào sử dụng tài sản cố định 322 triệu đồng; thực hiện trích khấu hao tài sản trong kỳ 4.069 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải thu, phải trả:

+ Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ; định kỳ thực hiện rà soát, đối chiếu công nợ và trích lập công nợ theo quy định.

+ Nợ phải thu: tổng số nợ phải thu đến 30/06/2023 là 6.248 triệu đồng, chủ yếu là nợ phải thu ngắn hạn 6.176 triệu đồng; nợ phải thu dài hạn 72 triệu đồng trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

+ Nợ phải trả: tổng số nợ phải trả đến 30/06/2023 là 115.168 triệu đồng; trong đó nợ ngắn hạn là 40.301 triệu đồng, nợ dài hạn là 74.868 triệu đồng (chủ yếu là dự phòng rủi ro trả thưởng 52.471 triệu đồng). Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

e. Tình hình đầu tư ra nước ngoài

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô không thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, về chính sách tiền lương và các chính sách khác; tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

a.Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, về chính sách tiền lương và các chính sách khác:

*- Việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán, việc lưu trữ hồ sơ kế toán theo đúng quy định:*Công ty mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán; lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành quy định các Luật thế (GTGT, TNDN, TNCN, khác):Công ty thực hiện đúng thời gian kê khai và nộp thuế.

- Việc chấp hành quy định về in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn: Công ty thực hiện theo đúng Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính quy định, hướng dẫn về hoá đơn, chứng từ.

+ Kết quả thanh tra, kiểm tra và kết quả xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (nếu có): không.

+ Kết quả thực hiện nghĩa vụ NSNN sau khi nhận được Kết luận Thanh tra, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau thanh tra, kiểm tra của Cơ quan thuế: Không phát sinh.

b. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Công ty có số phải nộp năm trước chuyển sang là 12.267 triệu đồng, số phát sinh thuế và các khoản phải nộp nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 là 76.875 triệu đồng, số đã nộp 6 tháng đầu năm 2023 là 76.709 triệu đồng, số còn phải nộp chuyển kỳ sau là 12.433 triệu đồng.

Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang phải thu của NN 1.342 Triệu đồng, không phát sinh số phải nộp, đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2023, số còn phải thu chuyển kỳ sau là 1.342 Triệu đồng

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích.

Công ty không thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán Thanh tra/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

6 tháng đầu năm 2023, Công ty không có kiến nghị của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán Thanh tra/ cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp

Trên đây là nội dung Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô. Số liệu trong báo cáo được thể hiện ở các bảng biểu dưới đây.

a. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng năm 2023 (Biểu số 02.C)

b. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2023 (Biểu số 02.Đ-mẫu A)

c. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ 6 tháng năm 2023 (Biểu số 02.Đ-mẫu B)

Nơi nhận:
-nt
-Lưu phòng TCHC

CHỦ TỊCH

M.S.D.N:0100110817-C.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT
THỦ ĐÔ
Q.HOÀN KIẾM-TP.HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thuỷ

Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ đô
53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Biểu số 02.Đ-Mẫu A

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
TỔNG (1+2+3)	**10.924**	**76.875**	**76.709**	**11.090**
Tổng (1+2)	**12.266**	**76.875**	**76.709**	**12.432**
1. Thuế	**5.041**	**31.711**	**31.148**	**5.604**
- Thuế GTGT	4.290	30.462	30.365	4.387
- Thuế TNDN	751	1.249	783	1.217
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				0
- Các khoản thuế khác				0
2. Các khoản phải nộp khác	**7.225**	**45.164**	**45.561**	**6.828**
- Phí, lệ phí				0
- Các khoản phải nộp khác				0
+ Tiêu thụ đặc biệt	6.206	41.077	41.158	6.125
+ TNCN từ liền công, tiền lương	54	83	136	1
+ TNCN (từ HĐKDXS đại lý)	59	302	320	41
+ TNCN từ người trúng thưởng	1.006	3.685	3.930	761
+ Nhà thầu	-100			-100
+ Môn bài		17	17	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-1.342			-1.342

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	Phạm Thanh Thủy	Nguyễn Thị Thủy

M.S.D.N: 0100110817 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ - Q.HOÀN KIẾM - TP.HÀ NỘI

Công ty TNHH một thành viên xổ số KTTĐ **Biểu số 02.Đ-mẫu B**

53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

B.TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

ĐVT: tr. đ

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	60			60
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.367	4	1.225	16.146
3. Quỹ thưởng viên chức QLDN	474			474
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				0
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				0

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	*Phạm Thanh Thủy*	*Nguyễn Thị Thủy*

M.S.D.N: 0100110817 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ - Q.HOÀN KIẾM - TP.HÀ NỘI

Công ty TNHH một thành viên xổ số KTTĐ
53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

ĐVT: tr.đồng

Nội dung	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	6 thángđầu Năm 2021	6 tháng đầu Năm 2022	Kế hoạch 2023
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.673	285.121	575.240	317.743	86,19%	111,44%	55,24%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	47.857	36.939	74.400	41.077	85,83%	111,20%	55,21%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.816	248.182	500.840	276.666	86,24%	111,48%	55,24%
4. Giá vốn hàng bán	267.548	204.978	403.000	227.348	84,97%	110,91%	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.268	43.204	97.840	49.318	92,58%	114,15%	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	242	499	4.000	676	279,34%	135,47%	16,90%
7. Chi phí tài chính	4	-	-	-			
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.241	41.654	89.692	43.972	101,69%	105,56%	
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	10.265	2.049	12.148	6.022	58,67%	293,90%	
11. Thu nhập khác	88	73	160	79	89,77%	108,22%	49,38%
12. Chi phí khác	5	-	20	13			
13. Lợi nhuận khác	83	73	140	66	79,5%	90,4%	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	10.348	2.122	12.288	6.088	58,83%	286,90%	49,54%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.070	424	2.458	1.249			50,81%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.278	1.698	9.830	4.839	58,46%	284,98%	49,23%

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	*Phạm Thanh Thủy*	*Nguyễn Thị Thủy*

M.S.D.N: 0100110811 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI